

Bản án số: 63/2023/DS-ST

Ngày: 07/9/2023

Về việc: Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thu Hà** - Thẩm phán Tòa án nhân dân quận H.

Các Hội Thẩm nhân dân: Ông **Đặng Thế Vinh** và Ông **Lê Hồ Bình**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Linh Chi** - Thư ký Tòa án nhân dân quận H

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Hạnh Ngân** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận H mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 118/2022/TB-TLST ngày 27/12/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2023/QĐXXST-DS ngày 24/7/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 111/2023/QĐDS-ST ngày 10/8/2023, giữa:

*** Nguyên đơn: Ngân hàng TM TNHH MTV Đ (O hoặc ngân hàng).** Trụ sở: Số M Ng, phường T2, thành phố H1, tỉnh Hải Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Thanh S - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên;

Người đại diện theo ủy quyền trực tiếp tham gia tố tụng: Bà Nghiêm Thị Thu H2, ông Nguyễn Xuân T3, ông Hoàng Kim H3, ông Đoàn Bá D, ông Lê Ngọc Đ, ông Nguyễn Anh D1 theo Văn bản ủy quyền số 331/2023/UQ – O BANK.05.02 ngày 10/5/2023.

Địa chỉ liên hệ: Tầng M1, Tòa nhà S1, số H4 Tr, phường P, quận H, thành phố Hà Nội.

(Ông Nguyễn Anh D1 có mặt)

*** Đồng Bị đơn:**

1. Ông **Nghiêm Anh T**, sinh năm 1976,

2. Bà **Vũ Thị Thu Th**, sinh năm 1979

Cùng Hộ khẩu thường trú tại: Số B ngõ H5, phường H6, quận H, thành phố Hà Nội; Hiện không rõ nơi ở hiện tại.

(Ông T, bà Th vắng mặt tại phiên tòa)

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông **Vũ Hoàng L**. Sinh năm 1940.

2. Bà **Trần Thị T1**. Sinh năm: 1946.

Cùng nơi cư trú: Số B1, ngách B2, phố Ng, phường Ng, quận L1, thành phố Hà Nội. (Ông L, bà T1 vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện ngày 10/5/2022 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa**

án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau:

- Ngày 01/9/2020, Ngân hàng TM TNHH MTV Đ và ông Nghiêm Anh T cùng bà Vũ Thị Thu Th đã ký kết Hợp đồng cho vay số 0146/2020 – HĐCV/O BANK.CNHANOI, theo đó, ông T và bà Th vay vốn tại O Chi nhánh Hà Nội với các nội dung sau:

- + Số tiền vay: 3.000.000.000 đồng
- + Thời gian vay: 300 tháng
- + Mục đích vay: Vay tiêu dùng
- + Lãi suất: 8,3%/năm tại thời điểm ký kết hợp đồng
- + Lãi suất quá hạn: 150% lãi trong hạn
- + Trả nợ gốc và lãi hàng tháng vào ngày 15;
- + Lãi suất cơ sở cộng biên độ: 3,5%/tháng.

- Ngày 01/9/2020, ông T bà Th đã được giải ngân được 3.000.000.000 đồng theo hình thức hình thành thẻ tiết kiệm của bên Bán là bà Trần Thị T1 (*người liên quan trong vụ án do đang quản lý sử dụng tài sản bảo đảm*) mở tại ngân hàng O và ngay lập tức thực hiện thủ tục phong tỏa;

Cùng ngày 01/9/2020, ông T bà Th và ngân hàng O đã ký kết Giấy nhận nợ số tiền 3.000.000.000 đồng.

- Sau đó 03 bên gồm bà Trần Thị T1, ông T bà Th và ngân hàng O đã ký kết văn bản có nội dung vv giải tỏa việc phong tỏa thẻ tiết kiệm.

- Ngày 10/11/2021, do dịch bệnh Covid nên Ngân hàng O và ông Nghiêm Anh T cùng bà Vũ Thị Thu Th đã ký kết “văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay số 0146/2021-HĐCV-SĐBS/ O BANK.800-NGHIEMANHT”, theo đó, ngân hàng đồng ý cơ cấu lại khoản nợ của ông T bà Th với lộ trình thanh toán cụ thể được ghi nhận trong văn bản. Tuy nhiên, từ ngày 16/02/2022, khách hàng đã bị tính quá hạn đối với khoản vay của hợp đồng tín dụng do không thực hiện đúng lộ trình.

- Ngày 11/11/2020, Ngân hàng O và ông Nghiêm Anh T cùng bà Vũ Thị Thu Th đã ký kết tài liệu về việc cung cấp dịch vụ thẻ tín dụng. Văn bản là “Đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế VISA O BANK”, ông T và bà Th được cấp hạn mức thẻ tín dụng với các nội dung cơ bản sau:

- + Hạn mức: 100.000.000 đồng
- + Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng thẻ: Tối đa 36 tháng
- + Mục đích vay: Vay tiêu dùng
- + Lãi suất 18%/năm;
- + Thời hạn thanh toán tối thiểu (5% dư nợ cuối kỳ sao kê) trong vòng 15 ngày kể từ ngày sao kê (ngày 27 hàng tháng)

Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, khách hàng đã sử dụng tối đa hạn mức, bảng kê lịch sử giao dịch của khách hàng, nguyên đơn sẽ giao nộp sau. Do khách hàng vi phạm thỏa thuận thanh toán, phát sinh quá hạn nên nguyên đơn đã thông báo cho khách hàng về việc thẻ tín dụng đã hết hiệu lực sử dụng.

Ngân hàng không liên lạc được với ông T, bà Th, tài sản bảo đảm hiện vẫn do bố mẹ đẻ của bà Vũ Thị Thu Th quản lý, sử dụng.

***Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:**

1. Buộc ông Nghiêm Anh T và Bà Vũ Thị Thu Th thanh toán cho O tổng nghĩa vụ nợ tạm tính đến ngày 05/5/2022 là 3.201.639.299 đồng, bao gồm:

- Toàn bộ số tiền gốc, lãi, phạt theo Hợp đồng cho vay số 0146/2020 – HĐCV/O BANK.CNHANOI là: 3.098.259.930 (Ba tỉ không trăm chín mươi tám triệu hai trăm năm mươi chín nghìn chín trăm ba mươi) đồng, trong đó

+ Nợ gốc là 2.890.000.000 đồng;

+ Nợ lãi là 206.243.068;

+ Phạt chậm trả lãi là 1.217.855 đồng;

+ Phạt chậm trả gốc là 799.007 đồng.

- Nghĩa vụ trả nợ theo đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế là 103.379.369 (Một trăm linh ba triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn ba trăm sáu chín) đồng.

2. Buộc ông Nghiêm Anh T và Bà Vũ Thị Thu Th tiếp tục trả lãi, phạt theo Hợp đồng cho vay và đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế cho đến ngày ông Nghiêm Anh T và bà Vũ Thị Thu Th thanh toán được toàn bộ khoản vay;

3. Trường hợp ông Nghiêm Anh T và bà Vũ Thị Thu Th không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, đề nghị Quý tòa tuyên cho O được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án cho kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm của khoản vay theo Hợp đồng thế chấp số 03917/2020/HĐTC, quyển số 01/2020/TP/CC-SCC/HĐGD để trả nợ cho Ngân hàng là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 45, tờ bản đồ số 1, có địa chỉ số B1 ngách B2 Ng – Tổ H7, phường Ng, quận L1, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 519445, sổ vào sổ cấp GCN: 1236/2006/QĐ-UB551/2006 MS: 10127010721 do UBND quận L1 cấp ngày 23/8/2006 đứng tên ông Vũ Hoàng L và bà Trần Thị T1, diện tích đất là 83m². Ngày 04/9/2020 chuyển nhượng cho bà Vũ Thị Thu Th và ông Nghiêm Anh T theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở số 4323/2020, lập tại VPCC A ngày 01/9/2020 (Số tờ, số thửa theo bản đồ dự án tổng thể thửa 45, tờ 1) Hồ sơ số 200901-0027.

Trường hợp số tiền thu được từ phát mại tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ, ông Nghiêm Anh T và bà Vũ Thị Thu Th có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ theo Hợp đồng cho vay, văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng cho vay và đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế cho đến khi tất toán toàn bộ nghĩa vụ.

****Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng bị đơn không đến Tòa, không giao nộp tài liệu, chứng cứ liên quan vụ việc, ngày 06/8/2023 đồng bị đơn có “Đơn yêu cầu hoãn lệnh triệu tập và xét xử” (BL.....) với nội dung:***

Tháng 9/2020, chúng tôi có vay của Ngân hàng TM TNHH MTV Đ số tiền 03 tỷ đồng để mua căn nhà có địa chỉ tại số B1, ngách B2 phố Ng, phường Ng, quận L1, thành phố Hà Nội. Thời gian đầu chúng tôi đã thanh toán đầy đủ đúng hạn gốc lãi cho ngân hàng. Nhưng do sau thời gian dịch bệnh Covid nặng nề, chúng tôi đã không đủ khả năng để thanh toán như đã cam kết. Chúng tôi đã gửi đơn (02 lần) cho ngân hàng xin được hỗ trợ ân giảm lãi và nộp gốc khoản vay nhưng chưa nhận được phản hồi từ phía ngân hàng. Chúng tôi cũng đã nhờ phía công ty môi giới bất động sản đăng bán nhà để có thể hoàn trả sớm nhất khoản vay nhưng đến hiện tại vẫn chưa tìm thấy được khách mua và chúng tôi cũng đang thúc đẩy nhanh việc bán nhà để nhanh chóng hoàn trả cho phía ngân hàng.

Ngày 01/8/2023, chúng tôi nhận được lệnh triệu tập của Tòa án nhân dân quận H yêu cầu ngày 10/8/2023 có mặt tại Tòa án để giải quyết tranh chấp hợp

đồng tín dụng với phía ngân hàng nhưng do đặc thù nghề xây dựng ở tỉnh nên chưa thể thu xếp có mặt đúng thời gian như trong thông báo triệu tập. Chúng tôi xin quý Tòa cho chúng tôi 2-6 tháng để chúng tôi sắp xếp công việc và có thời gian để tiến hành bán nhà và thỏa thuận thêm với phía ngân hàng để tìm phương án giải quyết.

****Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông Vũ Hoàng L và bà Nguyễn Thị T1 không đến Tòa, không giao nộp tài liệu, chứng cứ liên quan vụ việc, ngày 20/7/2023, ông T1 bà L có ý kiến tại buổi xem xét thực tế và thẩm định tại chỗ của Tòa án (BL 184, 185) như sau:***

Diện tích nhà đất có địa chỉ số B1, ngách B2 phố Ng, phường Ng, quận L1, thành phố Hà Nội có nguồn gốc là nhà đất của cụ Nguyễn Thị T4 cho ông Vũ Hoàng L và bà Nguyễn Thị T1 vào năm 2006. UBND quận L1 đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 23/8/2006 cho ông L bà T1. Trên diện tích số đó, ông L bà T1 đã xây căn nhà bê tông 02 tầng. Ông L bà T1 có 02 người con trong đó có chị Vũ Thị Thu Th. Cách đây một thời gian, chị Th có nói xin mượn giấy chứng nhận để làm ăn và đưa ông bà vào ngân hàng nhưng ông bà không nhớ ngân hàng nào và ký giấy tờ, khi ký ông bà không đọc nội dung văn bản ký. Từ trước Tết năm 2023, vợ chồng con gái Th T không còn đến thăm ông L bà T1.

Từ năm 1982 đến nay, trên diện tích giấy chứng nhận chỉ có ông L bà T1 quản lý, sử dụng, ông bà không sửa chữa, coi nói gì.

Ông bà có biết có người mang văn bản giấy tờ của Tòa án nhân dân quận H đến giao nhưng ông L bà T1 không nhận, không đọc vì ông bà cho rằng ông bà không liên quan gì đến vụ việc và không cầm tiền tiêu.

Ông L bà T1 không biết nơi ở của vợ chồng con gái T, Th.

***Tại phiên tòa:** Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, về số liệu các khoản nợ tính đến hết ngày 07/9/2023 đề nghị HĐXX giải quyết cụ thể như sau:

- Về hợp đồng cho vay: tổng số tiền nợ là 3.605.264.041 đồng, trong đó:
 - + Nợ gốc là 2.890.000.000 đồng;
 - + Lãi phải trả: 626.787.808 đồng (Đây là lãi trong hạn)
 - + Lãi trên lãi chậm trả là 51.643.959 đồng (Đây là lãi chậm trả tính trên lãi trong hạn)
 - + Lãi trên dư nợ gốc quá hạn: 36.832.274 đồng
- Về thẻ tín dụng: tổng số tiền nợ là 141.397.152 đồng, trong đó nợ gốc là 106.795.432 đồng, nợ lãi là 34.601.702 đồng.

Khách hàng có nghĩa vụ tiếp tục trả tiền lãi quá hạn trên số nợ gốc, lãi suất không thay đổi là $18\%/năm \times 150\% = 27\%$

- Về khái niệm tính trên văn bản “Tóm tắt sao kê thẻ tín dụng” của Ođược định nghĩa như sau:

- + “Phạt lãi”: đây chính là lãi trong hạn
- + “Phí trễ hạn” : là một loại phí thỏa thuận giữa hai bên, thực tế là lãi quá hạn.

+ “Thoái lãi”: Thu thừa được hoàn lại cho khách hàng vì thẻ tín dụng phải chuyển sang nhận nợ bắt buộc từ ngày 27/6/2022, các khoản phát sinh trên thẻ sau ngày này phải hoàn lại cho khách hàng

- + “Phí”: là phí phát hành và phí thường niên

- + “Thanh toán” : số tiền khách hàng trả cho ngân hàng
- + “Đầu kỳ”: Dư nợ thẻ đầu kỳ sao kê (kỳ sao kê là một tháng)
- + “Cuối kỳ” : Dư nợ thẻ cuối kỳ sao kê
- + Giao dịch : là số tiền tiêu của khách hàng trong một kỳ sao kê

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H** phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự, tiến hành hòa giải, thu thập chứng cứ và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Về thời hạn đưa vụ án ra xét xử còn chậm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tiến hành đúng các thủ tục theo quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án đến khi phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã chấp hành pháp luật, đồng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành pháp luật theo các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau phần tranh luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật trong vụ án:

[1.1]. Tranh chấp hợp đồng cho vay và hợp đồng thế tín dụng giữa pháp nhân và cá nhân, mục đích vay vốn của bị đơn nhằm phục vụ nhu cầu tiêu dùng của cá nhân, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tranh chấp về dân sự.

[1.2]. Theo tài liệu do ngân hàng giao nộp, tại thời điểm ký kết hợp đồng thế tín dụng, ông T khai báo nơi ở tại số MK, tầng MK1 tòa nhà MT phố Nguyễn Lương B4, phường Q1, quận Đ2, thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, Công an phường Quang Trung cung cấp thông tin tại địa chỉ số MK, tầng MK1 tòa nhà MT phố Nguyễn Lương B4, phường Q1 chỉ có mẹ ruột của ông T là bà Phan Thị Minh Th sinh sống, ông Nghiêm Anh T và bà Vũ Thị Thu Th không đăng ký thường trú, không ăn ở sinh hoạt thường xuyên, Công an phường Quang Trung không biết ông T, bà Th đang ở đâu.

Ngày 05/9/2023, Công an phường H6 cung cấp thông tin ông Nghiêm Anh T và bà Vũ Thị Thu Th đang có hộ khẩu thường trú tại B ngõ H5, phường H6 nhưng ông T đã bán nhà, do vậy không ăn ở sinh hoạt thường xuyên tại B ngõ H5. Theo thông tin của Công an phường H6 thì ông T hiện ở tại số MK, tầng MK1 tòa nhà MT phố Nguyễn Lương B4, phường Q1, thành phố Hà Nội, còn bà Vũ Thị Thu Th hiện đang ở tại địa chỉ số B5 phố Lê Văn S, Phường MB, Quận B6, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 11/8/2023, Tòa án nhận được “Đơn yêu cầu hoãn lệnh triệu tập và xét xử” do đồng bị đơn cùng ký tên, bì thư được phát hành từ bưu điện Nguyễn Văn Tr, thành phố Hồ Chí Minh (*bưu điện Nguyễn Văn Tr có địa chỉ số H8 BI Lê Văn S và địa chỉ tại số H9 BH đều ở thành phố Hồ Chí Minh*).

Các tài liệu tổng đạt của Văn phòng thừa phát lại đến địa chỉ số MK, tầng MK1 tòa nhà MT phố Nguyễn Lương B4, phường Q1, thành phố Hà Nội đều không giao được cho đồng bị đơn.

Như vậy, đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ vào Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Tòa án nhân dân quận H thụ lý và giải quyết vụ án về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là đúng thẩm quyền.

[2]. **Về thủ tục tố tụng:** Ngày 10/8/2023, đồng bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, ngày 07/9/2023, HĐXX tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3]. **Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

[3.1]. Giao dịch dân sự cung cấp tín dụng theo hình thức thẻ tín dụng cá nhân loại hình thẻ tín dụng quốc tế Visa O được ký kết giữa O và ông Nghiêm Anh T có hình thức bằng văn bản có tiêu đề “Đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Visa O ngày 11/11/2020” (BL 81-83), các chủ thẻ ký kết tự nguyện, đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật. Do vậy, giao dịch dân sự cung cấp tín dụng theo hình thức thẻ tín dụng đã ký kết không vi phạm các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự.

[3.1.1]. Nội dung thỏa thuận giao dịch dân sự thẻ tín dụng giữa hai bên cụ thể, chi tiết tại “Điều kiện và điều khoản sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Visa O BANK” (BL78-80).

[3.1.2]. Theo đó, tại Điều 5 của “Điều kiện và điều khoản sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Visa O BANK”, quy định về lãi suất, phí chậm thanh toán, lãi quá hạn, phí do O công bố trên website của O BANK. Công thức tính lãi: Tiền lãi hàng ngày = Số dư nợ thẻ tín dụng cuối mỗi ngày x lãi suất áp dụng đối với dư nợ thẻ tín dụng theo năm chia cho 360; Tiền lãi hàng tháng = Tổng tiền lãi của các ngày trong kỳ sao kê.

Tuy nhiên tại phiên tòa, đại diện ngân hàng trình bày ngân hàng tính lãi năm chia cho 365 ngày để tính lãi ngày nên HĐXX thấy rằng mặc dù quy định chia 360 ngày bị vô hiệu đồng thời quy định tiền lãi hàng ngày mà không rõ ràng trong đó gồm những khoản nào cũng bị vô hiệu nhưng việc vô hiệu của mục 5.6 không làm ảnh hưởng đến hợp đồng và thực tế ngân hàng đã chia lãi năm tính lãi ngày chia cho 365 nên HĐXX vẫn chấp nhận tính hiệu lực của cả văn bản “Điều kiện và điều khoản sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Visa O BANK”.

HĐXX chấp nhận cách tính lãi theo quy định chung của Bộ Luật dân sự, Luật các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Hội đồng Thẩm phán TANDTC.

[3.1.3]. Việc áp dụng lãi suất của thẻ tín dụng quốc tế Visa O được quy định tại văn bản Quyết định 2697/2017/QĐ-TGD ngày 22/6/2017 là 18%/năm.

[3.1.4]. Về việc thực hiện giao dịch tín dụng: Tài liệu “Tóm tắt Sao kê” chi tiết giao dịch khách hàng đề ngày 05/9/2023 (BL) do O giao nộp cho thấy: Bị đơn sử dụng thẻ tín dụng bắt đầu vào ngày 10/12/2020 và kết thúc chi tiêu cũng như thanh toán vào ngày 10/5/2022.

- Tổng số tiền bị đơn đã chi tiêu là: 1.581.747.329 đồng

- Ngày 27/6/2022: sau khi bị đơn đã vi phạm việc trả nợ 03 kỳ liên tiếp, theo quy định của ngân hàng thẻ tín dụng chấm dứt hiệu lực sử dụng.

- Cụ thể số tiền bị đơn đã thanh toán trả cho O là: 1.589.145.433 đồng được trừ toàn bộ vào số tiền giao dịch, tuy nhiên đến cuối kỳ đã phát sinh 1.263.558 đồng phí trễ hạn, 10.621.457 đồng phạt lãi và được thoái lãi 4.589.185 đồng nên số tiền nợ gốc tính đến phiên tòa là 106.795.432 đồng, nợ lãi là 34.601.702 đồng.

Bị đơn đã không thanh toán số tiền còn nợ cho ngân hàng từ ngày 11/5/2022 đến nay, như vậy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền với số tiền nợ cụ thể: nợ gốc là 106.795.432 đồng, nợ lãi là 34.601.702 đồng.

[3.1.5]. Ông T, bà Th đăng ký kết hôn ngày 10/10/2007, theo quy định tại các Điều 25, 27, 29, 30 Luật hôn nhân và gia đình 2014, hai bên có nghĩa vụ liên đới với các giao dịch dân sự phát sinh phục vụ mục đích tiêu dùng nếu không có tài liệu chứng cứ chứng minh khác.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Th không có ý kiến, văn bản phản đối giao dịch thẻ tín dụng do ông T ký kết với ngân hàng, không giao nộp tài liệu, chứng cứ nên không có căn cứ nào khác để cho rằng giao dịch dân sự thẻ tín dụng thuộc hoàn toàn nghĩa vụ của riêng ông T.

[3.1.6]. Theo phân tích trên, HĐXX thấy rằng có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc đồng bị đơn có nghĩa vụ thanh toán dư nợ thẻ tín dụng theo thỏa thuận đã ký kết.

[3.2]. Hợp đồng cho vay số 0146/2020-HĐCV/O BANK.CNHANOI ngày 01/09/2020 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay ngày 10/11/2021 có hình thức bằng văn bản (BL 86-98), các chủ thể ký kết tự nguyện, đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật. Do vậy, hợp đồng cho vay và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay đã ký kết không vi phạm các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự.

[3.2.1]. Nội dung thỏa thuận của hợp đồng cho vay và văn bản sửa đổi bổ sung thể hiện đúng như lời trình bày của nguyên đơn về mục đích vay, lãi suất...

[3.2.2]. Xét việc thực hiện Hợp đồng cho vay số 0146/2020-HĐCV/O BANK.CNHANOI ngày 01/09/2020 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay ngày 10/11/2020:

- Theo thỏa thuận, thời hạn vay của khoản vay giữa hai bên kết thúc vào ngày 08/9/2045;

- Ngày 01/9/2020, ba bên gồm ngân hàng, ông L, bà T1, ông T, bà Th đã ký kết văn bản “Thỏa thuận ba bên về việc giải ngân vốn vay và phong tỏa thẻ tiết kiệm”;

- Ngày 10/9/2020, ngân hàng đã giải tỏa thẻ tiết kiệm với số tiền 3 tỷ đồng cho khách hàng là bà Nguyễn Thị T1, ông Vũ Hoàng L;

- Ngày 16/02/2022, khoản vay của ông T bà Th đã bị tính quá hạn do không thực hiện đúng lộ trình.

- Theo tài liệu do ngân hàng cung cấp tại “Bảng kê số tiền đã thanh toán” (BL170) thấy rằng ông T bà Th đã trả cho ngân hàng được 110.000.000 đồng nợ gốc, 229.498.411 đồng nợ lãi, 242.181 đồng lãi trên dư nợ gốc quá hạn, 393.641 đồng nợ lãi trên lãi chậm trả.

- Theo tài liệu do ngân hàng cung cấp tại “Phiếu tính lãi đến hết ngày 07/9/2023” thấy rằng ông T bà Th còn nợ ngân hàng tính đến ngày 07/9/2023 với tổng số tiền 3.605.264.041 đồng, trong đó:

- + Nợ gốc là 2.890.000.000 đồng;
- + Lãi phải trả: 626.787.808 đồng (Đây là lãi trong hạn)
- + Lãi trên lãi chậm trả là 51.643.959 đồng (Đây là lãi chậm trả tính trên lãi trong hạn)
- + Lãi trên dư nợ gốc quá hạn: 36.832.274 đồng

- Các tài liệu về việc áp dụng lãi suất đối với khoản nợ của khách hàng T Th do ngân hàng giao nộp thấy rằng việc áp dụng căn cứ trên các Quyết định ban hành biểu lãi suất huy động tiền gửi khách hàng cá nhân các năm 2020, 2021, 2022, 2023 từ đó tính lãi suất có biên độ đã đúng thỏa thuận theo quy định của pháp luật.

[3.2.3]. Đồng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận giữa hai bên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đồng bị đơn có nghĩa vụ trả nợ số nợ theo yêu cầu khởi kiện với số liệu được tính đến ngày xét xử 07/9/2023.

[3.3]. Xét Hợp đồng thế chấp bất động sản số 0146/2020-HĐCV/O BANK.CNHANOI ngày 08/09/2020 đã được Văn phòng công chứng Vĩnh Xuân thực hiện công chứng có hình thức bằng văn bản (BL 71-77), các chủ thể ký kết tự nguyện, đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật, hai bên đã tiến hành định giá tài sản thế chấp tại “Biên bản định giá tài sản bảo đảm ngày 08/9/2020” (BL 69,70), đã thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh L1 ngày 09/9/2020 (BL 67,68). Do vậy, Hợp đồng thế chấp bất động sản số 0146/2020-HĐCV/O BANK.CNHANOI ngày 08/09/2020 đã ký kết không vi phạm các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự.

[3.3.1]. Tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đối với thửa đất và tài sản gắn liền với đất của ông T, bà Th.

[3.3.2]. Nội dung thỏa thuận về nghĩa vụ bảo đảm tại **Điều 1**: toàn bộ nghĩa vụ trả nợ đầy đủ và đúng hạn bao gồm gốc, lãi, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác của ông T bà Th đối với ngân hàng phát sinh từ tất cả các hợp đồng cho vay, hợp đồng cấp bảo lãnh, hợp đồng chiết khấu, văn bản liên quan đến phát hành L/C, hợp đồng cấp tín dụng khác và các văn bản sửa đổi (nếu có) mà ông T bà Th ký với ngân hàng trước, cùng và (hoặc) sau thời điểm ký kết hợp đồng này.

[3.3.3]. Đồng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ theo các hợp đồng tín dụng đã ký với ngân hàng nên phát sinh nghĩa vụ của người thế chấp theo hợp đồng thế chấp đã ký, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc nguyên đơn có quyền phát mại tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trong trường hợp không trả nợ hoặc không trả đầy đủ nghĩa vụ đối với nguyên đơn.

[4]. **Về án phí**: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5]. **Về quyền kháng cáo**: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào

- Khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 114; Điều 124; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

- khoản 3 Điều 40, Điều 117, điểm b khoản 2 Điều 277, Điều 317, Điều 320, Điều 429, Điều 468 của Bộ Luật Dân sự năm 2015;

- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;
- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTWQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng TM TNHH MTV Đ đối với đồng bị đơn – ông Nghiêm Anh T, bà Vũ Thị Thu Th:

1.1. Buộc ông Nghiêm Anh T và bà Vũ Thị Thu Th phải trả cho Ngân hàng TM TNHH MTV Đ tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 07/9/2023 theo Hợp đồng cho vay số 0146/2020-HĐCV/O BANK.CNHANOI ngày 01/09/2020 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay ngày 10/11/2020 là với tổng số tiền **3.605.264.041 (Ba tỷ, sáu trăm linh năm triệu, hai trăm sáu mươi tư nghìn, không trăm bốn mươi một đồng) đồng, trong đó:**

+ Nợ gốc là 2.890.000.000 đồng;
+ Lãi phải trả: 626.787.808 đồng (Đây là lãi trong hạn)
+ Lãi trên lãi chậm trả là 51.643.959 đồng (Đây là lãi chậm trả tính trên lãi trong hạn)
+ Lãi trên dư nợ gốc quá hạn: 36.832.274 đồng

1.2. Buộc ông Nghiêm Anh T và bà Vũ Thị Thu Th phải trả cho Ngân hàng TM TNHH MTV Đ tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 07/9/2023 theo “Đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Visa Ongày 11/11/2020” là **141.397.152 (Một trăm bốn mươi một triệu, ba trăm chín mươi bảy nghìn, một trăm năm mươi hai đồng) đồng, trong đó:**

+ Nợ gốc là 106.795.432 đồng,
+ Nợ lãi là 34.601.702 đồng.

1.3. Buộc ông Nghiêm Anh T và bà Vũ Thị Thu Th có nghĩa vụ, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử, tiếp tục trả lãi quá hạn trên số nợ gốc theo Hợp đồng cho vay và Đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế cho đến ngày ông Nghiêm Anh T và bà Vũ Thị Thu Th thanh toán được toàn bộ khoản vay;

1.4. Trường hợp ông Nghiêm Anh T và bà Vũ Thị Thu Th không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, O được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án cho kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm của khoản vay theo Hợp đồng thế chấp số 03917/2020/HĐTC, quyền số 01/2020/TP/CC-SCC/HĐGD để trả nợ cho Ngân hàng là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 45, tờ bản đồ số 1, có địa chỉ số B1 ngách B2 Ng – Tổ H7, phường Ng, quận L1, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 519445, sổ vào sổ cấp GCN: 1236/2006/QĐ-UB551/2006 MS: 10127010721 do UBND quận L1 cấp ngày 23/8/2006 đứng tên ông Vũ Hoàng L và bà Trần Thị T1, diện tích đất là 83m2. Ngày 04/9/2020 chuyển nhượng cho bà Vũ Thị Thu Th và ông Nghiêm Anh T theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở số

4323/2020, lập tại VPCC A ngày 01/9/2020 (Số tờ, số thửa theo bản đồ dự án tổng thể thửa 45, tờ 1) Hồ sơ số 200901-0027.

1.4.1. Trường hợp số tiền thu được từ phát mại tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ, ông Nghiêm Anh T và bà Vũ Thị Thu Th có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ theo Hợp đồng cho vay, văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng cho vay và Đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế cho đến khi tất toán toàn bộ nghĩa vụ.

1.4.2. Trường hợp số tiền thu được từ phát mại tài sản bảo đảm còn thừa thì số tiền còn thừa được trả lại cho ông Nghiêm Anh T và bà Vũ Thị Thu Th.

1.5. Trường hợp phải xử lý phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì các tổ chức, cá nhân đang kinh doanh, những người có hộ khẩu hoặc không có hộ khẩu nhưng thường xuyên sinh sống, sinh hoạt dưới mọi hình thức trên phần diện tích tài sản nhà, đất thế chấp phải có nghĩa vụ di dời tài sản và chuyển đi nơi khác để thi hành án.

2. Án phí:

2.1. Ngân hàng TM TNHH MTV Đ được trả lại **48.000.000 (Bốn mươi tám triệu đồng) đồng** tạm ứng án phí đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự quận H. Biên lai tạm ứng án phí số AA/2020/0052057 ngày 23/12/2022.

2.2. Ông Nghiêm Anh T và bà Vũ Thị Thu Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **106.933.224 đồng (Một trăm linh sáu triệu, chín trăm ba mươi ba nghìn, hai trăm hai mươi tư đồng).**

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TM TNHH MTV Đ, vắng mặt ông T, bà Th, ông L, bà T1.

Ngân hàng TM TNHH MTV Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận H;
- Chi Cục Thi hành án DS quận H;
- Tòa án NDTP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- L Hồ sơ, Văn phòng;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THU HÀ

